

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17/4/2023.

“ V/v: hôn nhân gia đình – Ly hôn ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Oanh - Ông Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 232/2022/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2022, về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35A/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2023 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án số: 323/2023/TB-TA, ngày 27 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Kim O, sinh năm 2002. Địa chỉ: E, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Hữu N, sinh năm 2000. Địa chỉ: 1, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Nguyễn Hữu Nghĩa là ông Lê Văn L - Luật sư Văn phòng luật sư Phạm Minh T – Chi nhánh T2. Địa chỉ: A, Lê L, khóm C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Hồ Thanh M, sinh năm: 1979. Địa chỉ: C, ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Thông báo kết quả phiên họp, nguyên đơn Lê Thị Kim O trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh N có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn, được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2020, đến ngày 20/10/2020 tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, hôn nhân không hạnh phúc, đến tháng 6/2022, vợ chồng ly thân. Nay chị không còn tình cảm với anh N, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn Nguyễn Hữu N trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị O kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Quá trình chung sống, vợ chồng thường cự cãi với nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn với chị O.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Luật sư, bảo vệ quyền lợi cho anh N trình bày:

Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vào ngày 10/01/2023, anh N có nộp đơn khởi kiện phản tố, đơn đề nghị và văn bản ý kiến trình bày về việc anh và chị O sống chung có nợ Lê Thị H 150.000.000đ, Nguyễn Thị Kiều L1 20.000.000đ, Nguyễn Thị Mai 175.000.000đ, Nguyễn Thị Mỹ D 20.000.000đ, Nguyễn Thị T1 96.124.000đ, Văn Nhật Q 400.000.000đ, Nguyễn Thị C 320.999.000đ và Doanh nghiệp tư nhân N1 140.000.000đ. Tổng cộng là 1.382.123.000đ, anh N yêu cầu chị O có trách nhiệm trả ½ số nợ trên là 691.061.500đ. Đến ngày 17/4/2023, anh N nộp đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu này. Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ.

Bị đơn Nguyễn Hữu N trình bày: Thống nhất lời trình bày của Luật sư về phần tài sản và nợ là đúng, anh không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Thanh M trình bày:

Vào ngày 22/02/2023, bà có nộp đơn khởi kiện yêu cầu chị O, anh N liên đới trả vốn vay 330.000.000đ và lãi 39.600.000đ, đến ngày 17/4/2023, bà nộp đơn xin rút đơn khởi kiện, rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với chị O, anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Kim O yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N, không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản và nợ. Các đương sự cư trú tại huyện L và các yêu cầu khởi kiện của chị O thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị O và anh N kết hôn vào năm 2020, đến ngày 20/10/2020 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên quá trình chung sống giữa chị O và anh N phát sinh mâu thuẫn từ tháng 6/2022 và đã ly thân với nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, chị O và anh N cùng đồng ý thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

Về con chung: Chị O, anh N không có con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản: Chị O, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung:

Chị O không yêu cầu giải quyết, anh N đã nộp đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu chị O có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số nợ cho Lê Thị H 150.000.000đ, Nguyễn Thị Kiều L1 20.000.000đ, Nguyễn Thị Mai 175.000.000đ, Nguyễn Thị Mỹ D 20.000.000đ, Nguyễn Thị T1 96.124.000đ, Văn Nhật Q 400.000.000đ, Nguyễn Thị C 320.999.000đ và Doanh nghiệp tư nhân N1 140.000.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét lời trình bày của luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh N cũng thống nhất ý kiến của anh N nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

Đối với bà Hồ Thanh M yêu cầu chị O, anh N trả vốn vay 330.000.000đ và lãi 39.600.000đ, đến ngày 17/4/2023, bà M nộp đơn xin rút đơn khởi kiện, rút

toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với chị O, anh N nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

[3] Về án phí: Chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim O được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N.
2. Đình chỉ yêu cầu của bà Hồ Thanh M yêu cầu chị Lê Thị Kim O, anh Nguyễn Hữu N liên đới trả vốn vay 330.000.000đ và lãi 39.600.000đ.

3. Về án phí và tạm ứng án phí:

Chị Lê Thị Kim O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0010718, ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Hoàn trả cho bà Hồ Thanh M 9.120.000đ (chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0015711, ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (17/4/2023).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA